

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO LÝ

PHẦN III

Chuyên Đề: " ĐẠO SỬ "
(Hướng Dẫn Viên : HT. Mai Văn Tim)

Bài số 1:

KHÁI NIỆM TỔNG QUÁT VỀ ĐẠO CAO ĐÀI

* * *

*** Tài liệu này trích từ:**

- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Trọn Bộ, 1964-1966)
- Đại Đạo Sử Cương (HT. Trần Văn Rạng)
- Lược Sử Khai Nguyên Cao Đài Giáo (Dã Trung Tử)

Mục lục:

- Các Lời tiên tri
- Nguyên nhân thành lập Đạo
- Sự mở đường chuẩn bị
- Mục đích, cứu cánh Đại Đạo
- Tam Giáo Qui Nguyên
- Ân huệ cho Dân tộc Việt Nam

PHẦN I- CÁC LỜI TIÊN TRI CAO ĐÀI GIÁO XUẤT HIỆN

A- KINH SẨM TRUYỀN BÁO TRƯỚC CAO ĐÀI GIÁO XUẤT HIỆN.

Trong Càn khôn vũ trụ, theo Pasteur không có định luật ngẫu nhiên, mọi sự việc đều có do lai riêng của nó. Cao Đài giáo trước khi xuất hiện cũng đã có nhiều Kinh sẩm truyền báo trước.

1- Lời tiên tri trong sách Phật Tông Nguyên lý.

.Đức Thế Tôn Văn Phật đã huấn dụ: "Sau Ngài sẽ có một Đức Phật lớn hơn Ngài ra đời"

2- Lời tiên tri trong quyển Thanh Tịnh Kinh. .

"Thanh Tịnh Kinh hữu di tích. Công viên quả mẫn chỉ thọ đơn thơ Thiên mạng phương khả truyền Đạo Tam Kỳ Phổ Độ". (Kinh Thanh Tịnh có dấu tích để lại rằng: Công đầy quả đủ sẽ được lãnh thọ đơn thơ. Người có mạng Trời khá nên truyền Đạo Tam Kỳ Phổ Độ).

3- Lời tiên tri trong quyển Vạn Pháp Qui Tông.

"Cao Đài tiên bút thi văn tự". Trong Đạo Cao Đài mai sau này sẽ có thơ văn của chư Tiên do thần diệu

cơ bút viết ra.

4- Chúa Jésus Christ đã phán trong Thánh kinh.

(Thesalonians 15:2): “Ngày Chúa sẽ đến như kẻ trộm trong ban đêm vậy”.

5- Sự tiên tri trong Đạo Tam Thanh.

Vào thế kỷ XV bên Trung Hoa có vị đạo sỹ tên Ngô Chi Hạc lập phái “*Tam Thanh*”, thờ Giáo Chủ ba Đạo lớn : Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử, Đức Thích Ca. Đạo này là bước đầu tiên của nền Đại Đạo.

6- Lời tiên tri của Chi Minh Sư.

Khi nhà Thanh (Trung Hoa) chiếm ngôi nhà Minh, một số vong thần chạy sang Việt Nam và một nhóm lên núi lập ra chi Minh sư, Minh Đường (*Hai Chi trong Ngũ Chi của Đại Đạo sau này*). Ngoài bìa sách kinh của các Chi ấy có hai câu thơ:

*Cao như Bắc Khuyết nhân chiêm ngưỡng,
Đài tại Nam Phương Đạo thống truyền.*

Đã tiên đoán cho việc khai Đạo Cao Đài tại phương Nam nước Tàu tức Việt Nam.

7- Lời tiên tri trong “Minh Thánh Kinh linh sám: .

“Mạng hữu Cao Đài minh nguyệt chiếu”. (Danh của Đức Cao Đài sáng tỏ như trăng sáng).

8- Lời tiên tri trong sách “Ấu Học Tâm Nguyên” .

“Đầu thượng viết Cao Đài” (Trên đầu mọi người gọi là Cao Đài).

9- Lời tiên tri của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. .

Trong quyển “Bạch Vân Am thi tập” có ghi:

Con mừng búng tít con quay,
Vù vù chong chóng gió lay trên đài.
Nhà cha cửa đóng then cài,
Ầm ầm sủng dậy, hỏi người đồng lân.

Hai câu đầu ám chỉ chữ “**Vạn**” trên nóc các Thánh Thất Đạo năm 1939-1945, cũng gọi là Đài. Biểu hiện này trùng với hiệu đảng Đức Quốc Xã nên người Pháp ra lệnh đóng cửa các Thánh Thất, hợp ý với 2 câu sau. Rồi sau nhờ Nhật đảo chánh (1945) các Thánh Thất được mở cửa lại tức “Ầm ầm sủng dậy hỏi người đồng lân”.

10- Lời tiên tri trong quyển “Giác Mê Ca”.

Hữu duyên mới gặp Tam Kỳ Phổ Độ,
Muôn đời còn Tử phủ nêu danh.

11- Lời tiên tri trong quyển Kinh “Tĩnh Thế Ngô Chơn” .

Đại thiên tiên hoá hồng chơn Đạo,
Trợ quốc cứu dân tích thiện luân.
Nam Hải Từ Hàng chân vận tế,
Tây Phương Tiếp Dẫn, Phật Đông Lâm.

(Trước khi có cuộc thay đổi lớn sẽ có một nền Đạo chân chánh xuất hiện giúp nước cứu dân, làm điều thiện đáng khen. Biển Nam có Phật Từ Hàng đi khắp nơi để độ rỗi. Phương Tây có Phật Tiếp Dẫn đưa người đến Đông Độ).

12- Lời tiên tri trong quyển Kinh “Vạn Diệu Thiên Thư Cổ Bản”.

Tam Giáo kim tùng cổ hoá sanh,
Tiên thiên phương hữu thi Tam Thanh

Phật, Pháp, Nho hề quy nhứt bản,
Tự nhiên tả Đạo thống trưng tranh
Vạn ức sơn hà giai hữu thử,
Tổng quy nhất phái đắc an thành.
Xà vĩ, mã đầu khai đại hội,
Tam Kỳ hậu thế hiển phương danh.

13- Lời tiên tri tại Trung phần trước năm 1926.

Canh Dần, Mậu Dần niên
Kỷ Mão, Canh Thìn tiền
Tự nhiên Thiên phú tánh
Cao Đài tận chân truyền

Lời tiên tri trong Kinh các tu sĩ tại Trung phần theo phái Minh Sư có câu:
Con cầu Phật Tổ Như Lai,
Con cầu cho thấu Cao Đài Tiên Ông.

14- Lời tiên tri của cụ Thủ Khoa Huân.

Vào ngày 3 tháng 1 năm 1913 tại Cao Lãnh (Tỉnh Kiến phong) các kỳ hào hợp tại nhà ông Lê Quang Hiển, nhạc phụ của ông Diệp Văn Kỳ để thỉnh Tiên. Chơn linh cụ Thủ Khoa Huân có cho hai bài thơ sau:

Dung tất Cao Đài nhiệm khuất thân,
Tứ triêm đảo lý nhứt môn xuân.
Cánh tân bồi bức giang san cựu,
Trừ cựu thời thiêm tuế nguyệt thân.
Cửu thập thiều quang sơ bán lục,
Nhất luân minh nguyệt vị tam phân.
Thừa nhân hạc giá không trung vụ,
Mục đổ Cao Đài tráng chí thân.

Cụ lại thích nôm luôn:

Co dũi Cao Đài khoẻ tấm thân,
Đạo xem đảo lý đượm mùa Xuân.
Giang san chẳng khác ngàn năm cũ,
Ngày tháng chờ thay một chữ tân.
Chín chục thiều quang vừa nửa sáu,
Một vùng trắng rạng chứa ba phân.
Thừa nhân cỡi hạc không trung rưỡi,
Chạm mắt Cao Đài khoẻ tấm thân.

Chữ Cao Đài được nhắc đi nhắc lại 4 lần, nhưng mãi đến năm 1927, Chức sắc đi truyền Đạo tại Cao Lãnh, Ông Hiển đem 2 bài thơ trên ra mới rõ lẽ mầu nhiệm của nền Tân Tôn Giáo.

15- Lời tiên tri của Tào Quốc Cựu ở Miếu Nổi:

Tại Miếu Nổi (Gò Vấp) đêm 17-6-Quý Hợi (DL. 30-7-1923) Tào Quốc Cựu giảng cơ dạy:
“Chư nhu có phước có duyên nên mới gặp Đạo ở kỳ này là kỳ thứ ba. Thiệt Chư nhu có đại căn mới gặp trước thiên hạ đó. Hữu duyên đắc ngộ Tam Kỳ độ. Tiên Thánh điều lâm phạm mà độ kẻ Nguyên nhân” 2

16- Lời tiên tri của Huệ Quang tại chùa Ngọc Hoàng (ĐaKao):

Vào đêm 22-7-Quý Hợi (DL. 2-9-1923), Huệ Quang Đại Đế giảng đàn tại Chùa Ngọc Hoàng ở Đất Hộ cho bài thi quán thủ như vậy :

HUỆ phát Tam Kỳ Đạo dĩ khai,
QUANG minh tứ hướng thượng tam tài.
ĐẠI phước kêu đau thân đấng ngộ,
ĐỂ Quân giáng hạ, nhữ vô tai 3.

Câu hai tiên tri bốn phương đều kéo cờ ba màu vàng xanh đỏ (Tứ hướng thượng Tam tài).

B- HOÀN CẢNH XÃ HỘI VIỆT NAM CHUNG ĐÚC CHO NỀN TÂN TÔN GIÁO.

Đời nhà Lý, nhà Trần, Phật Giáo cực thịnh được xem như là Quốc Đạo. Trong gần 1.000 năm, từ thế kỷ X, đến cuối thế kỷ thứ XIX, các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý Trần, Hậu Lê và Nguyễn đã dùng chữ Nho trong các công văn, trong sự học hành, các khoa thi, và hành chánh.

Trong triều nhà Trần mở khoa thi Tam Giáo (**Nho, Thích, Lão**) được gọi là **Tam Giáo Đồng Nguyên** và được tôn sùng ngang hàng. Tinh thần Tam Giáo chẳng những biểu lộ trong văn chương từ cú mà còn là những gì linh động được thể hiện qua mọi lễ lối sinh hoạt của dân tộc.

Tinh thần Tam Giáo đã trở thành một Ý thức hệ đơn thuần trong xã hội Việt Nam, tạo cho Dân tộc một tinh thần bất khuất biết Lý Hoà Đồng để làm cơ giới tranh đấu. Đó là một thần trí đặc thù mà người Việt Nam lấy làm hãnh diện. Đã bao nhiêu lần Bắc thuộc, kể đến Pháp thuộc mà phong tục Dân tộc vẫn không mất bản sắc, bất khả đồng hoá, chính là nhờ cái thể Tam Giáo Đồng Nguyên “Thích, Nho, Lão”.

Nền văn hoá Việt Nam lại phải đương đầu với sự du nhập văn minh vật chất Tây phương, kèm Ý thức hệ Tâm linh Thiên Chúa Giáo. Sóng gió Đạo lý đã nổi loạn, nền luân lý cổ truyền Khổng Mạnh bị lung lay, nhưng rồi với thời gian đầu vào đáy, bước đến chỗ Hoà Đồng Tôn Giáo.

Dù Đông hay Tây, cổ kính hay tân thời đã kết tinh lại tạo thành một “**Ý thức hệ tổng hợp**”, dung hoà mọi bất đồng tiểu dị trên mảnh đất nhỏ bé bất hạnh nhưng nhiều diễm phúc và Hồng ân Thiêng Liêng này. Do đó, người ta hy vọng rằng Việt Nam sẽ là nơi Đại phục hưng Tôn Giáo trên toàn thế giới.

PHẦN II- NGUYÊN NHÂN THÀNH LẬP ĐẠO CAO ĐÀI

1- Thánh giáo dạy về nguyên nhân Đức CHÍ-TÔN đến mở Đạo Cao Đài: (Trích từ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

“Vốn từ trước Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo. Tùy theo phong hóa của nhân loại mà gây Chánh giáo, là vì khi trước Càn vô đắc khán, Khôn vô đắc duyệt, thì Nhơn loại duy có hành Đạo nội tư phương mình mà thôi.

Còn nay thì Nhơn loại đã hiệp đồng, Càn khôn dĩ tận thức thì lại bị phần nhiều Đạo ấy mà Nhơn loại nghịch lẫn nhau; nên Thầy mới nhứt định Qui Nguyên Phục Nhứt. Lại nữa, trước Thầy lại giao Chánh Giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh Giáo mà làm ra Phàm Giáo. Thầy lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhân loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chốn A-Tỳ.

Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rỗi các con, chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phàm nữa. Nhưng mà buộc phải lập Chánh Thể, có lớn nhỏ đặng dễ thể cho các con diu dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo. (TNHT, Q1,1964, trg.18).

- Nguyên từ buổi bé Đạo, tuy Chánh Pháp ra cũ mặc dầu, chớ kỳ trung thọ đắc kỳ truyền. Luật lệ tuy cũ chớ Đạo vẫn như nhiên. Do công đức mà đắc Đạo cùng chẳng. Nhưng mà có một điều là Ngọc Hư Cung bác Luật, Lôi Âm Tự phá Cổ, nên tu nhiều mà thành ít.

Vì vậy cho nên các con coi thử lại, từ hai ngàn năm nay, bên Á Đông này đã đặng bao nhiêu Tiên Phật. Các con duy biết có một mình Huệ Mạng Kim Tiên mà thôi. (TNHT, Q1,1964, trg.38).

- Ta vì thương xót Sanh linh, mở Đạo Tam Kỳ để độ người hữu phước; nếu chẳng mau chân, ngày giờ hầu cận, chư Tiên Phật hội Tam Giáo xin bế lại, thì dầu Ta muốn cứu vớt thêm cũng chẳng qua số Thiên cơ định. (TNHT, Q1, 1964, trg.71).

-Lê thứ nghe: Kỳ Hạ ngưng hầu mẫn, như vật vì tai nạn mà phải tiêu tan, mười phần còn lại có một mà thôi. Than ôi, buồn thôi! Nghĩ vì Thiên cơ đã định vậy, thế nào mà cải cho định, duy có mở tấm lòng từ thiện ăn năn sám hối, lo việc tu hành; đồng với nhau, cả Quốc dân qui lụy khẩn cầu coi Trời đoái tưởng đến chăng?

Bởi thế nên Ngọc Đế và chư Phật, chư Tiên, chư Thánh mới lập hội Tam Kỳ Phổ Độ định có cứu vớt Chúng sanh, đương linh đình nơi biển khổ. Nếu gặp thuyền Bát Nhã mà không xuống, không theo, thì chắc thế nào cũng chơi vơi nơi mé biển. (Thần Hoàng Bồn Cảnh giáng Cơ/ TNHT, Q1, 1964, trg. 80).

- Thầy đã nói Ngũ Chi Đại Đạo bị qui phạm là vì khi trước Thầy giao Chánh Giáo cho tay phạm, càng ngày càng xa Thánh Giáo mà lập ra Phạm Giáo, nên Thầy nhứt định đến chính mình Thầy định dạy dỗ các con mà thôi, chứ không chịu giao Chánh Giáo cho tay phạm nữa. (TNHT, Q1, 1964, trg.91).

- Chúa Cứu Thế đã đến với các con. Người đã phải chịu đổ máu Thánh để chuộc tội cho loài người. Trong hai ngàn năm vắng mặt Người, các con đã làm gì hữu ích? Các con truyền bá Đạo Người, nhưng chính các con cũng không hiểu chi cả. Các con lại làm sai lạc bản chất, Tôn Chỉ của nền Thánh Giáo. Nhân loại phải chịu đau khổ vì sự biến thể của các Thánh Tông Đồ.

Chiếc gai quý báu nhứt trên thế gian này hiện là chiếc gai của vị đệ nhứt cao đồ của Người. Giáo lý ấy đáng lẽ phải đem lại Hòa bình và tương lai cho loài người, nhưng trái lại nó gây mầm chia rẽ và chiến tranh. Bởi thế nên nay chính Thầy phải đến để đem lại cho các con nền Hòa bình đã từng hứa hẹn.

Rồi đây Chúa Cứu Thế sẽ trở xuống sau. (Thánh giáo Đức CHÍ-TÔN nói với hai người Lang Sa hầu đàn, TNHT, Q1, 1964, trg.120)

- Đại Đạo Tam Kỳ hồng khai tại cõi Nam, đã chiếu theo Thiên thư hội Tam Giáo mà vớt Chúng sanh thoát vòng ly khổ, thiệt thiệt hư hư một mảy chi cũng chẳng qua là máy Thiên cơ mà thôi. (TNHT, Q2, 1966, trg. 14)

- Thầy lập nền Đạo này ra, là do nơi Thiên Thư, lại cũng có lòng Từ Bi, để vớt cả mấy chục triệu Nguyên nhân lớn lao, trở hồi cựu vị. (TNHT, Q2, 1966, trg.74)

2- Giải thích về nguyên nhân Thành lập Đạo Cao Đài.

Khi khai Đạo Đức Chí-Tôn đã cho biết nguyên nhân rằng:

“Vốn từ trước Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo. Tùy theo phong hóa của nhân loại mà gầy Chánh Giáo, là vì khi trước Càn vô đức khấn, Khôn vô đức duyệt, thì Nhơn loại duy có hành Đạo nội tư phương mình mà thôi.

Còn nay thì nhân loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phần nhiều Đạo ấy mà Nhơn loại nghịch lẫn nhau; nên Thầy mới nhứt định Qui Nguyên Phục Nhứt. (TNHT, Q1, 1964, trg.17)

Như vậy Đức Chí Tôn cho biết, trước đây Nhơn loại chưa tiếp xúc rộng rãi, mà chỉ liên hệ trong một địa phương nhỏ hẹp quanh mình, nên các Đấng Giáo Chủ tùy theo trình độ của dân trí và những tội lỗi phổ biến, những tà thuyết sai lầm của mỗi vùng, mỗi thời kỳ mà gầy Chánh Giáo, để họ dễ bề thu nạp, cốt để giáo hóa Nhơn sanh trong địa phương của thời kỳ đó, biết điều chỉnh những sai trái lỗi lầm phổ biến trong phạm vi của mỗi vùng mà thôi. Chứ các Đấng Giáo chủ không bao giờ đề cập hay phản kháng đến các Tôn giáo đang khai sáng ở một phương trời khác, mà dân chúng vùng đó chưa hề biết đến.

Chắc chắn rằng Chúa Jésus chưa bao giờ nói Phật Giáo là ngoại Đạo, hoặc Đức Phật cho Thiên Chúa Giáo là Tà Giáo, và Giáo Chủ Mohammed không bao giờ dạy Giáo đồ của Ngài xem các tượng Phật là hình tượng phi Hội Giáo cần phải triệt hạ bao giờ. Phải chăng Chúa và Phật chỉ ngăn cấm những Tà thuyết mê hoặc Chúng sanh đang lưu hành trong vùng, ngay khi còn sanh tiền của Chúa hoặc Phật mà thôi.

Ngày nay Nhơn loại đã tiếp xúc rộng rãi với nhau, nên các Tôn Giáo cũng truyền bá đồng loạt ra khắp thế giới, nên do những bất đồng trong Giáo lý, Giáo luật, nên một số Tín đồ cực đoan, đã dựa vào lời dạy của các Đấng Giáo Chủ, ứng dụng trong một vùng đất hạn hẹp cổ xưa, suy diễn ra mà chống đối lẫn nhau, có khi rất là tàn khốc. Tỷ như hai chữ “Quốc Đạo” là ước mơ của các Đấng Giáo Chủ muốn cho Chúng sanh trong phạm vi đất nước của Ngài, tuân theo Giáo lý, Giáo luật của Ngài, để xa lánh mọi tội lỗi đang lưu hành quanh vùng, trong thời điểm của Ngài mà thôi. Nhưng ngày nay nhiều Tín đồ cực đoan của một số Tôn giáo lại muốn cho Tôn giáo của mình chiếm vị thế độc tôn trong một đất nước có nhiều tín ngưỡng khác nhau, do đó mà gây ra sự đối nghịch trầm trọng.

Nên lần khai Đạo này Đức Chí Tôn không mở một Tôn giáo mới, không có một Giáo lý khác lạ, hay xoá bỏ những Tôn giáo đã phổ truyền trước đây, mà tái lập một sự Cứu rỗi cho toàn nhân loại lần thứ ba, Tôn chỉ là “Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt”, với mục tiêu đưa Nhân loại đến Hòa bình, Dân chủ và Tự do, xây dựng một “Thiên Đạo Giải Thoát”, một “Thế Đạo Đại Đồng”, để vô hiệu hoá những sự thù nghịch giữa các Tôn Giáo với nhau, hầu cho con cái của Ngài dưới thế gian biết nhìn nhau là anh em cùng chung một Đấng Cha Lành, để cùng chung sống trong một sự Hòa bình vĩnh cửu.

3- Đức CHÍ TÔN trực tiếp lãnh đạo Hội Thánh.

Đối với các Tôn Giáo đã xuất hiện trước đây, đều theo thông lệ là do một Vị Giáo Chủ giảng trần lập nên. Tùy theo dân trí của mỗi địa phương, mỗi thời đại mà truyền Đạo, dân chúng nơi đó nương theo Giáo lý của Vị Giáo Chủ lập ra mà tu hành. Như thế là Đạo từ các Giáo Chủ hữu hình truyền bá, người đời theo đó mà tìm về với Đạo.

Còn đối với Cao Đài Giáo lại do Thượng Đế giảng linh dùng Cơ Bút thân nhận Đệ tử để truyền bá Đạo Trời xuống thế gian, tức là Đạo từ Vô vi mà phổ truyền vào nhân thế, tức là Đạo tìm đến với người đời. Đức Chí Tôn lại trực tiếp lãnh đạo Hội Thánh.

Nguyên nhân điều này Đức Chí Tôn đã dạy rằng:

“Trước Thầy giao Chánh Giáo cho tay phạm, càng ngày lại càng xa Thánh Giáo mà làm ra Phạm Giáo. Thầy lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhân loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chón A Tỳ.

Thầy nhứt định chính mình Thầy độ rỗi các con, chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phạm nữa. (TNHT, Q1, 1964, trg.18)

Theo Thánh Giáo trích dẫn trên đây cho chúng ta thấy rằng:

- Các Tôn Giáo trước kia do các Vị Giáo Chủ mang xác phạm nắm trọn phần hồn và phần xác con người, ngày nay Thánh ý Đức Chí Tôn không giao Chánh Giáo cho tay phạm, để cho mỗi Đạo dù có lâu ngày cũng khỏi trở nên Phạm Giáo, và không để con cái Chí Tôn khỏi bị sa vào vòng áp chế của những nhà lãnh đạo cực đoan, khi sự cứu rỗi của Tôn Giáo đó không còn hợp với trình độ tiến hoá của nhân loại.

Tỷ như Cựu luật của một số Tôn Giáo vẫn còn duy trì sự phân biệt giai cấp, kỳ thị tín ngưỡng, trọng nam khinh nữ, tức là phần đông con cái Đức Chí Tôn đã bị sa vào vòng áp bức bất công. Vì thế ngày nay Thượng Đế lại cho phép Cao Đài Giáo để Nhơn sanh tự lập Tân Luật cho phù hợp với trình độ tiến hoá của loài người, hầu bảo đảm được quyền Bình đẳng, Tự do, Dân chủ của Chúng sanh, thực hiện lý tưởng Huỳnh Đệ Đại Đồng. Trong Tam Kỳ Phổ Độ Thượng Đế còn ban cho loài người có quyền sửa đổi Luật Lệ để phù hợp với từng giai đoạn tiến hoá của mình, đây cũng là một điều mang tính Thiên khai mới mẻ trong sự tương quan giữa Thượng Đế và con người của Cao Đài Giáo.

- Đức Chí Tôn muốn cho con cái của Ngài dùng Cơ Bút học hỏi trực tiếp Đạo màu bằng chính sinh ngữ của thời đại mình, để cho dù lâu đời Chánh Giáo cũng không bị sai lạc chân truyền. Vì Đức Chí Tôn đã tiên lượng rằng Cao Đài Giáo sẽ lưu truyền đến thất ức niên (700.000 năm).

- Trong hiện tại, chúng ta thấy chỉ mới trong vòng ba bốn nghìn năm, mà Kinh điển các Tôn giáo viết bằng ngôn ngữ từ thời đại các Vị Giáo Chủ, đến nay đã trở thành cổ ngữ, ngay người Trung Quốc ngày

nay mà đọc Kinh Dịch của Nho Giáo hoặc Đạo Đức Kinh của Lão Giáo họ không hiểu gì cả. Cũng như thế hệ ngày nay mà đọc Kinh Thánh bằng tiếng Hebrews nào có ai hiểu. Còn việc dịch và giải nghĩa Kinh sách của người đời sau thì mỗi dịch giả tùy theo khuynh hướng và định kiến của họ mà diễn giải, có khi đi xa lời dạy của các Giáo Chủ, vì đó mà Chánh Giáo lâu đời sẽ bị sai lạc Chơn truyền.

- Còn một nguyên nhân chính yếu là Đức Chí Tôn, chỉ dùng Cơ Bút để quy tụ lương sanh thành lập Hội Thánh, tượng trưng cho Thánh Thể của Ngài hầu cứu vớt quần sanh, là để tránh sự giáng trần trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ. Vì ngày nay sự liên hệ giữa bốn biển xem như láng giềng, thế giới chỉ là một làng mạc nhỏ bé, nhưng con người vẫn còn phân biệt chủng tộc, kỳ thị Tôn giáo.

Do đó nếu chọn một vị Giáo Chủ thuộc sắc dân này, thì sắc dân khác không từng phục. Ngay đến biểu tượng thờ phụng Thượng Đế, Ngài cũng dạy thờ Thiên Nhân (Con mắt) tượng trưng cho Thần Minh tức là thờ Ngài, vì không thể có một con người thuộc một sắc dân nào có thể tượng trưng đầy đủ được hình ảnh của Thượng Đế, mà Thánh Thể của Ngài là toàn cả Vũ trụ và vạn hữu Chúng sanh, nếu thờ Ngài bằng hình tượng một con người, thì không đủ sức thuyết phục, để cho mọi sắc dân chiêm ngưỡng. Do đó việc thờ Thượng Đế bằng Thiên Nhân ngoài ý nghĩa cao siêu mà con người chưa thể hiểu được, cũng còn mang tính chất tâm lý tránh kỳ thị sắc tộc này.

- Cho nên thời kỳ mở Đạo này, Đức Chí Tôn chiêu tập lương sanh của các dân tộc, lập thành Hội Thánh, cùng Chúng sanh của các sắc dân để làm Thánh Thể của Ngài, Hội Thánh là đầu não, Chúng sanh là tay chân máu thịt, để sự Giáo truyền không bị ngăn ngại, và cũng đúng với tiên tri của Chúa Jésus rằng:

“Bấy giờ thiên hạ sẽ thấy con Người đầy quyền năng và vinh quang, ngự trong đám mây mà đến” (Lc.291:25-27).

PHẦN III- SỰ MỞ ĐƯỜNG CHUẨN BỊ CỦA ĐỨC CHÍ TÔN

Trước khi khai sáng Cao Đài Giáo, Thượng Đế đã chuẩn bị mở lối đưa đường cho Tôn chỉ Qui Tam Giáo Hiệp Ngũ Chi, để cho loài người biết trước. Nên Ngài đã giáng dạy như sau:

“Thầy chưa giáng Cơ lập Đạo tại nước Nam, chớ chur Thần, Thánh, Tiên, Phật dùng huyền diệu này mà truyền Đạo cùng vạn quốc” (TNHT, Q1,1964, trg.57)

- Vào thế kỷ XV bên Trung Hoa có Đạo sĩ Ngô Chí Hạc lập ra Phái Tam Thanh thờ ba Giáo Chủ lớn là Đức Thích Ca, Lão Tử và Khổng Tử.

- Vào năm 1862 tại Iran, Baha Ulla sáng lập đạo Bahai, chủ trương Tôn giáo Đại Đồng.

- Vào năm 1875 Bà Blavatsky (Nga) và Đại Tá Olcott (Mỹ) đã thành lập Hội Thông Thiên học (Theosophy) một cơ quan Quốc tế nghiên cứu Tôn giáo với ba mục đích:

a- Gây tình Huynh Đệ Đại Đồng giữa nhân loại không phân biệt nòi giống, giai cấp, Tôn giáo, Tín ngưỡng và nam nữ.

b- Khuyến khích nghiên cứu các Tôn giáo, Triết lý và khoa học.

c- Nghiên cứu những định luật thiên nhiên chưa giải được và những quyền năng ẩn tàng trong con người.

Tiêu ngữ của Thông Thiên Học: “Không Tôn Giáo nào qua Chân lý”

Với phương châm đề cao tinh thần qui nhứt, và coi các Tôn giáo là những đứa con có cùng một nguồn gốc, mục đích tạo một Thế giới Đại Đồng Huynh Đệ.

- Vào năm 1907, Hội Thần Linh Học và Thông Linh Học ở Châu Âu chủ trương dung hòa các Giáo thuyết Á, Âu (Do Thái Giáo, Ki -Tô-Giáo, Hồi Giáo, và Nho Giáo, Lão Giáo, Phật Giáo).

- Khoảng năm Canh Thân (1920), hầu hết các Đàn Cơ tại các Đạo Minh Sư, Minh Lý, Minh Đường, Minh Tân, Minh Thiện, tuy là mỗi Giáo phái hoạt động riêng rẽ không liên hệ với nhau, nhưng cũng đồng loạt được các Đấng Thiêng Liêng giáng Cơ thông báo về sự xuất hiện của Kỳ Nguyên Cao Đài.

- Đạo Đại Bản (Oomoto) một Tôn Giáo khai mở vào năm 1894 tại Nhật Bản. Trong khi Đạo Cao Đài khai mở tại Việt Nam cuối năm 1926, thì vào năm 1927 Cơ Bút của Đạo này cũng báo cho Tín đồ của họ biết rằng ở Việt Nam vừa xuất hiện một Tôn giáo, mặc áo dài trắng, thờ một con mắt trái, biểu hiện của Thái Dương Hệ, và dạy họ hãy sang Việt Nam để liên lạc tìm hiểu. Sau đó, vào năm 1935 Ông Isao Deguchi lúc này Ông còn là Tín đồ được phái sang Việt Nam để liên lạc tìm hiểu về Cao Đài và ông cũng đã có hội kiến với Ngài Thái Đầu sư Nguyễn Ngọc Thơ tại Bạch Vân Am ở Phú Lâm. Tới năm 1956 Ông Isao Deguchi đã trở thành Giáo Chủ của Đạo này, cũng có sang lại Việt Nam để dự Lễ khánh thành đền thờ Cao Đài (Trung Hưng Bửu Tòa) ở Đà Nẵng, và cũng có đến thăm viếng Tòa Thánh Tây Ninh. Ngoài ra nhiều Tín đồ và Chức sắc của Đạo này có liên lạc với Cao Đài giáo nhiều lần để tìm hiểu Đạo.

- Vào ngày 13 tháng 11 năm 1931, Đức Thánh Cha GODWIN Trưởng lão Tổng Giáo Hội Eglise Gnostique Đức Quốc, đã gửi văn thư cho Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh, cho biết rằng họ đã quyết định chuẩn bị liên hợp với Cao Đài Giáo để tổ chức các Giáo hội Cao Đài tại các Quốc gia phương.

- Vào khoảng năm 1936 và 1937, Hội Thần Bí Triết học tại Đức có liên lạc với Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh xin cung cấp cho họ Giáo lý Đạo Cao Đài để họ nghiên cứu tìm hiểu.

Cũng do hai sự kiện liên hệ với Đức và Nhật hoàn toàn với lý do Tôn giáo nêu trên, mà Chính quyền thực dân Pháp lúc bấy giờ nghi ngờ là liên hệ với họ vì mưu đồ chính trị, cho đến ngày nay cũng còn những cây bút vin vào sự kiện đó mà vu khống cho Cao Đài là thân với phe phát xít Đức Nhật.

Các sự kiện tiền khai dự báo chuẩn bị cho sự xuất hiện của Đạo Cao Đài nêu trên rất là nhiều, để tài liệu được cân đối, chúng tôi chỉ nêu lên một số sự kiện tiêu biểu, chứng minh rằng sự xuất hiện của Cao Đài là do Thiên ý, chứ không phải do sự bày đặt đùa dòn với Thần Thánh của những kẻ có phạm tâm tục tánh.

PHẦN IV- MỤC ĐÍCH, CỨU CÁNH CỦA ĐẠI ĐẠO (Trích Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

- “Trời Nam may dựng một yển sáng của Đấng Đại Từ Đại Bi dẫn khách trần bước lên ra con đường hắc ám, để tránh khỏi bến mê; dựng nầu sông thế cân đai, mượn khổ tận thay chung đỉnh, lấy hạnh đức làm nấc thang bước lên tột lừng trời, vệt ngút mây xanh, trông vào cảnh thiên nhiên, biết rõ cơ mầu nhiệm mà làm khách u nhàn thanh nhã, núi thẳm rừng xanh. Phải hết muôn sự ở cõi trần vô vị này, ấy là một sự khó thi hành của khách phạm tục, mấy ai nong nã tìm đến cảnh Thiêng liêng, mà nhiều kẻ lại tìm vào vực thẳm . . .”. (TNHT, Q1,1964, trg.75).

- “Chư Nhu nghe:

Ta vì lòng đại từ, đại bi, vẫn lấy đức háo sanh mà dựng nên mối Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ; tôn chỉ để vớt những kẻ hữu phần vào nơi địa vị cao thượng, để tránh khỏi số mạng luân hồi và nâng những kẻ tánh đức bước vào cõi nhàn, cao hơn phẩm hèn khó ở nơi trần thế này... . .” (TNHT, Q1,1964, trg.64).

- “Thầy vẫn thường nói rằng: Thầy đến lập cho các con một nền chơn Đạo, tức là mỗi sự chi đối trá là chẳng phải của Thầy, Thầy đến là chú ý để dạy cả Nhơn sanh dựng Hòa bình chớ chẳng phải đến dựng đục thêm nghịch lẫn nhau. Thầy lại thường nói rằng sự vinh hiển của các con chẳng phải nơi Thế giới này. Thầy lại đến lập trong nước các con một nền Chánh Đạo đủ tư cách độ rỗi chúng sanh. Các con và cả Dân tộc các con, vì nơi Đạo mà đoạt đến phẩm vị cao thượng; cái phẩm vị ấy do nơi đâu mà có? Là bởi Đạo đức của các con”. (TNHT, Q1,1964, trg.77).

- “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chiếu theo luật Thiên Đình hội Tam Giáo mở rộng mối Đạo Trời, ấy cốt để diu dắt Nhơn sanh bước lên con đường Cực lạc, tránh khỏi đọa Luân hồi và dụng Thánh tâm mà dẫn

Dân sanh, làm cho hoàn toàn trách nhiệm nặng nề của đứng làm người, về bực nhơn phẩm ở cõi trần ai khốn đốn nay”. (TNHT, Q2,1966, trg.18)

- “Màn Trời che lấp dấu trần, Đạo Thánh diu bước tục, cuối Hạ Ngươn biết bao đời thay đổi. Trái cầu sáu mươi tám nầy bỗng nhiên có một lần yển sáng Thiêng Liêng để thức tỉnh khách phàm, chiếu dẫn người hữu căn hầu cứu khỏi họa Thiên Điều, sẽ vì hung bạo của sanh linh mà diệt tận. Chớ với biết bao người giữa lượn sóng trầm luân mà con đường xô đẩy khách trần vào chốn đắm chìm hằng vẽ cảnh cùng sâu cho Nhơn loại. Đường tội phước chẳng biết cân, gương dữ lành không để ý.

Triền cao, vực thẳm, rừng trước non xưa, cảnh vẫn đợi kẻ tìm về, nhưng giọng ai oán của khách lạc đường chẳng thể vạch Trời xanh soi thấu. Nào Nhân xưa, nào Đức trước, nào sách Thánh nào lời Hiền, trải qua chưa trăm năm mà cuộc cờ Đời đã rửa phai hạnh Đạo. Thế thì Nhơn loại, nếu chẳng có mối huyền vi để nhắc chừng Tâm tánh, sẽ vì mỗi danh lợi miếng đỉnh chung, mà cắn xé giựt giành giết hại lẫn nhau cho đến buổi cùng đường, rồi vì hung bạo ấy mà cõi dinh hoàn nầy chẳng còn sót dấu cho của nhân vật cả”. (TNHT, Q2,1966, trg.34).

PHẦN V- TAM GIÁO QUI NGUYÊN.

Trong danh hiệu “**Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**” đã hàm ý sự Qui Nguyên.

- **Cao Đài** :Thuộc Đạo Nho vì sách Nho có câu : Đầu thượng viết Cao Đài.
- **Tiên Ông** : Thuộc Đạo Tiên (Phẩm chót của Tiên gia).
- **Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**: Chỉ về Phật giáo.

1- Về hình thức: Cao Đài Giáo nhận các phần sau đây:

- **Phật Giáo**: Chuông trống, lễ Cầu siêu, Trai giới.
- **Lão Giáo** : Lễ dâng Tam Bửu: Bông, Rượu, Trà (Tinh, Khí, Thần). Trên Thiên Bàn có Thái Cực đặng tượng trưng ngôi Thái Cực.
- **Nho giáo** : Lễ nhạc, sự thờ phụng Tổ tiên và các lễ quan, hôn, tang, tế cùng Đạo ngũ thường.
- **Ki-Tô-Giáo**: Cách lấy dấu 3 Ngôi, đổi lại là Phật, Pháp, Tăng. Hình thức Tắm Thánh, Giải Oan. Các Thánh Thất tương tự như Nhà Thờ.

2- Về phương diện Triết lý: Hay Hình Nhi Thượng Học, Cao Đài Giáo nhìn nhận những nguyên tắc này của các Tôn giáo:

- **Phật giáo** : Luật Nhân Quả tức Nghiệp báo và Luân hồi, Bát Chánh Đạo để thoát vòng Luân hồi, Từ bi, Bác ái, Tam Qui Ngũ Giới và Minh Tâm Kiến Tánh, Tham thiền nhập định.

- **Lão giáo** : Thuyết Tam Bửu, Ngũ Hành, và Phương tu luyện tâm lý, sinh lý để thoát trần, Tu tâm luyện tánh, Vũ trụ quan và Phép Tu Tiên (Đơn).

- **Nho giáo** : Nhân, Trí, Dũng ; Tu thân, Tề gia, Trị quốc và Bình thiên hạ, thuyết Trung thứ (Dung), Ngũ luân, Ngũ thường, Tồn Tâm dưỡng tánh, Sinh động nhập thế.

- **Ki Tô Giáo**: Lòng Bác ái, khoan dung, Đức Tin tuyệt đối để đạt Đạo

3- Phần chuyên biệt của Cao Đài Giáo.

- **Việc thờ Thiên Nhãn** trên Thiên Bàn có tính cách tượng trưng. Đức Chí Tôn giáng Cơ : “Nếu không có Hư vô Chi khí thì không có Thầy. Nếu không Thầy thì không có chi trong Càn khôn vũ trụ. Còn chư

Phật, chư Tiên, Thầy hỏi ai tạo ra các Đấng ấy, đó là Đạo”.

- **Tân Luật và Pháp Chánh Truyền** ấn định sự tổ chức Hội Thánh, việc dùng Thiên phục ba màu (Tam Thanh): vàng, xanh, đỏ và những Điều luật người theo Đạo phải noi giữ.

- **Chuông** thì gọi là Bạch Ngọc Chung và trống thì gọi là Lôi Âm Cổ. Khi có Đại Đàn thì đánh Ngọc Hoàng Sấm.

- **Việc dâng lễ phẩm** chỉ có Bông, Rượu, Trà và 5 cây nhang, tuyệt đối không dùng các món nấu và không đốt vàng mã.

- **Kinh cúng** nơi Thánh Thất gọi là Kinh Tứ Thời hay Kinh Thiên Đạo; Kinh cúng Vong linh người chết thì gọi là Kinh Thế Đạo, gọi chung là Tân Kinh hay Kinh Lễ.(1)

Chú thích:

(1)Trích Đại Đạo Sử Cương 1(Tác giả HT.Trần van Rạng)

* **Ghi chú:** Theo sưu khảo thì Tân Kinh hay Kinh Lễ của Đạo Cao Đài gồm có 2 phần là Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo: Kinh Thiên Đạo chủ yếu gồm những bài kinh cúng Tứ Thời nơi Thánh Thất và Điện thờ Phật Mẫu và Kinh Tận độ như Kinh Giải Oan, Kinh Tắm Thánh, Kinh cầu siêu rỗi cho vong linh người chết . . . ; còn Kinh Thế Đạo chủ yếu là Kinh tế vong linh người chết, và Kinh đọc trong một số sinh hoạt thường ngày như: kinh ăn cơm, đi ngủ, thức dậy, nhập hội, đi đường,..

- **Hai Đại Lễ chánh** là Vía Đức Chí Tôn vào mùng 9 tháng Giêng âm lịch và vía Đức Phật Mẫu vào ngày 15 tháng 8 âm lịch. Trong những ngày lễ Mẹ, tất cả Tín đồ đều bình đẳng, không có áo mào phân cấp bậc. Hai lễ này, tất cả Chức sắc hành Đạo địa phương phải về châu Lễ nơi Toà Thánh.

- **Ba Hội lập quyền Vạn Linh là:**

- Hội Nhơn Sanh do các đại biểu tín đồ nhóm họp.
- Hội Thánh do các Chức Sắc họp tại Nội Điện Toà Thánh.
- Thượng Hội gồm chức sắc Đại Thiên Phong; bên Cửu Trùng Đài thì Giáo Tông và ba vị Chương Pháp; ba vị Đầu Sư; bên Hiệp Thiên Đài thì Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh.

- **Toà Thánh và Thánh Thất** cất phải gồm đủ ba Đài: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài.

Trên đây chỉ là những nét cương yếu chuyên biệt, đi sâu và còn nhiều tiểu tiết phức tạp.

PHẦN VI- ĐỨC CHÍ TÔN BAN AN HUỆ CHO DÂN TỘC VIỆT NAM.

(Trích Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

- “Thầy có hội chư Tiên Phật lại mà thương nghị về sự lập Đạo tại Đại Nam Việt Quốc. Các con khá nghe lời Thầy dặn, chớ khá nghịch lẫn nhau; phải đồng một lòng một dạ mà lo chấn hưng Đạo đức. (TNHT, Q1,1964, trg.103).

Hào Nam Bang! Hào Nam Bang!
Tiểu Quốc tảo khai hội Niết Bàn,
Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,
Hào phùng Ngọc Đế ngự trần gian,
Thi ân tế chúng Thiên tai tận,
Nhược thiệt nhược hư vạn đại an,
Chí bửu Nhơn sanh vô giá định,
Năng tri giác thể sắc cao ban.
(TNHT, Q1,1964, trg.105-Thi văn dạy Đạo)

- Đạo Trời mở ra cho một nước, tất là ách nạn của nước ấy gần mãi. (TNHT, Q2,1966, trg.14)

- Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này, là cốt để ban thưởng một nước từ thử đến giờ hằng bị lăm cơn thanh nợ của Thầy. Thầy lại tha thứ, lại còn đến ban thưởng một cách vinh diệu. Từ tạo Thiên lập địa, chưa nước nào dưới quá Địa cầu 68 này đặng vậy. (TNHT, Q2,1966, trg.25).

Biển chuyển Trời Nam cuộc đảo huyền,
Trả vay cho sạch vết oan khiên,
Trường đời đem thử gan anh tuấn,
Cửa Đạo mới ra mặt Thánh Hiền.
Đau khổ rần gìn Nhơn Nghĩa vẹn,
Tang thương chờ hưởng huệ ân riêng,
Non sông Việt chủng ngày êm lặng,
Chung sức cùng nhau Đức lập Quyền.
(TNHT, Q2,1966, trg.122-TVĐĐ)

Đánh Việt chờ qua cơn bão tố,
Muôn năm tỏ rạng mối chơn truyền.
(TNHT, Q2,1966, trg.121-TVĐĐ)

Đào Nguyên lại trở trái hai lần
Ai ngỡ Việt Thường đã thấy lân.
Cung đầu vít xa gương Xích quỷ,
Thiền cung mở rộng cửa hà Ngân.
Xuân Thu định vững ngôi lương tể,
Phát Chủ quét tan lũ nịnh thần,
Thổi khí vĩnh sanh lau xã tắc,
Mở đường Quốc thể định phong vân.
(TNHT, Q2,1966, trg.125- TVĐĐ)

: **HẾT**
HT. Mai Văn Tim

BÀI ĐỌC THÊM

***Trích Đại Đạo Sử Cương, Q.1, 1970, Tác giả HT. Trần Văn Rạng.
(Hội Thánh kiểm duyệt ngày 16 - 6 Canh Tuất, DL.13-7-1970)**

Bài đọc thêm gồm hai Chương dưới đây:

- Chương I : *Khái quát về xã hội Miền Nam khi Cao Đài Giáo xuất hiện.*
- Chương III: *Khái luận về Thánh Địa Cao Đài và Tôn Giáo Cao Đài.*

CHƯƠNG I

KHÁI QUÁT VỀ XÃ HỘI MIỀN NAM KHI CAO ĐÀI GIÁO XUẤT HIỆN

1- Miền Nam là đất thuộc địa Pháp.

Muốn hiểu rõ Đạo Cao Đài, ta hãy đặt nền Tân Tôn giáo này vào hoàn cảnh đất nước khi Đạo khai. Theo Hoà Ước Patenôtre 1884 thì người Pháp không có quyền can thiệp vào việc nội trị của nước Việt Nam, nhưng Đại diện Pháp luôn luôn tìm cách lấn quyền Triều đình Huế. Sau Đạo Dự năm 1925 thì Vua Việt Nam không còn một chút thực quyền, chỉ còn giữ việc tế tự Trời đất và lăng miếu. Trong nước mọi việc đều do người Pháp quyết định. Viên Toàn Quyền là Chúa tể nắm tất cả quyền hành.

Viên Toàn Quyền do Sắc Lệnh của Tổng Thống Pháp bổ nhậm đóng ở Hà Nội điều khiển guồng máy chính trị, xã hội, tài chánh, kinh tế cả Liên bang Đông Dương. Phụ việc có Tổng thư ký hay Phó Toàn Quyền, Tổng Giám Đốc các Nha chuyên môn, Tổng Tư Lệnh và Tư Lệnh Hải quan.

Bắc Kỳ và Trung Kỳ là hai xứ bảo hộ, riêng Nam Kỳ là đất thuộc địa do Pháp trực tiếp cai trị. Từ năm 1862 đến 1879, võ quan phụ trách nền hành chánh. Sau năm 1879, văn quan thay thế. Phủ Thống Đốc Nam Kỳ đặt tại Saigon, do Viên Thống Đốc cầm đầu, phụ việc có Phó Thống Đốc, Giám Đốc các Sở chuyên môn.

Hai Hội Đồng Tư Vấn là Hội Đồng Tư Mật và Hội Đồng Quản Hạt như ông Lê Văn Trung là Nghị viên Hội Đồng này. Nam Kỳ được chia làm 20 Tỉnh trừ Đô Thành Saigon, Chợ lớn : Đứng đầu mỗi Tỉnh là viên Tham Biện Pháp và Phó Tham biện, Chủ sự các Phòng chuyên môn và công chức Việt Pháp.

Tỉnh chia ra quận do một Quận trưởng người Pháp cai trị, một ít quận do Đốc phủ Việt Nam phụ trách như quận Phú Quốc do Quan phủ Ngô Văn Chiêu trông coi. Tổng thì có Cai Tổng, làng có Ban Hội Tề, đứng đầu là Hương Cả đến Hương Chủ, Hương Trưởng ...¹

2- Các tầng lớp xã hội:

Với chính sách chia để trị này, những vị Vua yêu nước đều bị truất phế hoặc bị đày ra khỏi đất nước như vua Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân. Giai cấp xã hội cũng bị đảo lộn, trật tự mới được sắp xếp.

a- Giới trí thức : Thì gồm có nhóm chống Pháp thành lập các Mặt Trận hoặc Đảng như Đảng Lập Hiến hoạt động mạnh trong vụ bầu cử Hội Đồng Thuộc Địa (Conseil colonial) thành lập năm 1925 do Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long (*Một Tín hữu Cao Đài*) lãnh

¹ NGUYỄN THẾ ANH, Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ – Saigon 1970

đạo. Đảng Thanh niên xuất hiện ở Saigon vào tháng 3 năm 1926 phản đối việc Pháp bắt giam Nguyễn An Ninh và dự đám tang cụ Phan Chu Trinh.

Đảng Phục Việt ra đời ngày 14-7-1925 xin ân xá cho cụ Phan Bội Châu. Việt Nam Quốc Dân Đảng thành lập năm 1926 do Nguyễn Tống và Nguyễn Thái Học gây cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái. Năm 1925, Nguyễn Ai Quốc lập Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội chống Pháp. Chính những cuộc nổi dậy này ảnh hưởng nhiều đến việc thành lập Quân đội Cao Đài và Việt Nam Phục Quốc Hội.

Nhóm thỏa hiệp: Do Pháp đào tạo từ các trường Thuộc địa, phải lẳng lặng nghe lời họ để được vinh thân phì da, họ sống cách biệt với dân chúng như Hoàng Cao Khải, Trần Bá Lộc. Trong Đạo Cao Đài thì có quan phủ Vương Quan Kỳ, quan phủ Ngô Văn Chiêu, hai ông này rất mến Đạo, thương dân, nhưng vẫn sợ Pháp dòm ngó.

b- Giới trưởng giả và điền chủ: Toàn là đại phú gia, họ có ruộng cò bay thẳng cánh, thường sống ở Tỉnh, lâu lâu mới về làng trâu lúa thóc. Có kẻ ác nhưng cũng có người hiền như Bà Lâm Ngọc Thanh là đại diện điền chủ ở Vũng Liêm, đã giúp phần lớn trong việc tạo tác các Thánh Thất.

c- Giới trung lưu: Gồm có trung nông, tiểu thương, công tư chức. Các thành phần này theo Đạo Cao Đài đông nhất và cũng là những Đệ tử đầu tiên của nền Tân Tôn giáo. Họ làm việc cho Chính phủ bảo hộ làm công chức như quý Ông Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Lê Văn Trung .v.v.. và làm việc cho các xí nghiệp tư như Cao Quỳnh Diêu. Tuy họ làm việc với người Pháp, nhưng đa số đều bất mãn vì hoàn cảnh nước nhà bị đô hộ. Ngày tháng chỉ còn biết làm bạn với cây cỏ hoặc người khuất mặt, hoặc tham gia Cách mạng. Nhờ vậy mà việc xây bàn (Table tournante) được thịnh hành trong thời đó.

d- Giới cần lao: Gồm có thợ thuyền và nông dân, đời sống của họ thật cơ cực, sống trong các túp lều xiêu vẹo. Con cái họ thiếu ăn, thiếu mặc và lẽ đương nhiên là thất học. Kịp khi Đạo Cao Đài khai mở là nguồn cứu tinh của họ nên xin Nhập Môn rất đông. Bởi thế ta không lấy làm lạ, tận trong thôn quê sẵn đã đều có Thánh Thất.

3- Văn hoá thời Pháp thuộc.

a- Ảnh hưởng văn học Tây phương: Bỏ Hán học, Chính quyền Pháp mở trường Pháp Việt. Số người theo Tây học tăng nhanh vì thấy chữ Quốc ngữ vừa dễ học, vừa đủ khả năng diễn đạt tư tưởng. Chính ông Trương Văn Trảng (Sau là Tiếp Pháp Chơn Quân), thuở nhỏ theo học chữ Hán sau bỏ vào trường Việt Pháp.

Tuy vậy, Quốc văn còn trong thời kỳ phôi thai. Nhóm Đông Dương Tạp Chí, Nam Phong Tạp Chí cố gắng làm cho được trơn tru, nhưng đến thời Tự Lực Văn Đoàn mới được như ngày nay. Chính vì thế mà lời văn, từ ngữ trong Thánh Ngôn, Kinh sách Đạo thời Khai Đạo cũng chịu ảnh hưởng đó.

b- Thơ cổ vẫn được duy trì: Điều này là một sự hiển nhiên trong các văn phẩm Đại Đạo. Nhóm thơ mới như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư không trấn áp được thơ cổ của Tản Đà, Á Nam, Đông Hồ. Thuần Đức (Bảo Pháp Chơn Quân) là một Thi sĩ đương thời chuyên về thơ luật.

c- Âm nhạc cổ vẫn còn địa vị tuy bị âm nhạc cải cách của giới trẻ lấn át. Hát bội, cải lương, hát chèo, chầu văn cúng tế vẫn được lưu hành. Tuy cổ nhạc Việt Nam bị hạn hẹp trong nhịp, điệu, thể thức trình bày phức tạp, nhưng Cao Đài giáo dùng làm âm nhạc chánh. Chèo thuyền là hình thức hát bội pha hát chèo rất hợp với quan cảm của người Việt Nam. Ông Cao Quỳnh Diêu (Sau là Bảo Văn Pháp Quân) rất rành về cổ bản, đã chỉ vẽ cho các nhạc công Bộ Lễ.

d- Kiến trúc ảnh hưởng nhiều Tây phương. Năm 1924 chính quyền Pháp cho mở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật truyền bá bộ môn hội hoạ, điêu khắc,¹ Toà Thánh Tây Ninh là một sự tổng hợp mỹ thuật Đông phương và Tây phương. Một công trình vĩ đại tiêu biểu cho nghệ thuật Việt Nam trong buổi giao thời.

e- Phong tục thay đổi, những giá trị cố hữu của dân tộc Việt Nam bị các tư tưởng mới như tự do cá nhân, nam nữ bình quyền đàn áp. Quyền của cha mẹ bị suy giảm, thanh niên nam nữ tìm cách thoát ly gia đình. Cách phục sức từ Thành đến Tỉnh cũng thay đổi. Đàn ông cắt tóc, phụ nữ ăn vận theo lối mới. Các lễ nghi hôn nhân, tế tự được tiết giảm.

Các Tôn Giáo Phật, Lão, Nho độc tôn từ các triều Lê, Lý, Trần đến triều Gia Long thêm Đạo Thiên Chúa bành trướng mau lẹ, dù bị tàn sát và cấm theo Đạo. Có lẽ dựa vào đó, nhà văn hoá Hồ Hữu Tường, trong loạt bài trầm tư đã nghĩ rằng mảnh đất duy nhất có thể thực hiện được nền văn hoá tổng hợp chính là Việt Nam.

Nền văn hoá truyền thống của ta khác biệt với mọi nền văn hoá trên thế giới, tinh thần Tam Giáo trở thành Ý thức hệ cho Dân tộc, thêm vào Ý thức hệ văn minh khoa học của Thiên Chúa Giáo. Do đó, người ta hy vọng nền văn hoá Việt Nam là một nền móng cho thời kỳ **Phục Hưng Tôn Giáo của toàn Thế giới**. Muốn được điều đó, Việt Nam phải là một quốc gia độc lập, thống nhất để có đủ thời gian phục hưng cơ sở văn hoá, mà hiện nay ba điều kiện để thành công, Thiên thời, Địa lợi, Nhân hoà chưa có đủ, chỉ có Thiên thời là Đấng Thượng Đế đã cho khai mở một nền Tân Tôn Giáo năm 1926 Qui Tam Giáo, Hiệp Ngũ Chi.

CHƯƠNG III

KHÁI LUẬN VỀ THÁNH ĐỊA

¹ LÊ THÀNH KHÔI, le Việt Nam, Histoire et civilisation, Paris Les Editions du Mimut 1955

CAO ĐÀI VÀ TÔN GIÁO CAO ĐÀI

1- Vị trí và diện tích:

Thánh Địa Cao Đài nằm về phía Đông Tỉnh lỵ Tây Ninh, Toà Thánh cách Tỉnh lỵ 5 cây số và cách Saigon 99 cây số về phía Tây : Bắc giáp núi Bà Đen, Đông giáp quận Khiêm Hanh, Nam giáp Vàm Cỏ Đông và Tây giáp ranh Tỉnh lỵ. Toà Thánh nằm thiên về phía Tây gần cửa số 2 quen gọi cửa Hoà Viên.

Diện tích 20.383 mẫu. Khởi tiên, khai phá khu bầu Cà Na và sân bay. Lúc đó (1926) còn là rừng già, âm u chướng khí. Nước hết sức độc. Thú dữ như cọp, gấu, beo .v.v.. nhiều vô kể. Loài người và loài thú tranh nhau thế đất. Những địa danh như Bầu Cóp, Trắng Dài, ... nghe qua đã rợn người.

Khu khai phá đầu tiên này trong vùng Cây Ba Nhánh gồm 96 mẫu của Hội Cựu Chiến Sĩ Pháp. Vị trí như sau: Bắc giáp lộ Liên tỉnh 13, Đông giáp sân bay chiến lược của Pháp (Chưa sử dụng), Nam giáp Ao Hồ, Tây giáp đường Mít Một (Đường giầy thép cũng gọi là đường trên (Route haute) là đường Tây Ninh đi Saigon theo ngã Trương Mít, đối với đường đi Saigon bây giờ ngã Giang Tân gọi là đường dưới (Route basse). Dọc theo đường trên buổi trước có trồng trụ giầy thép sở Bưu Chánh nên gọi là đường giầy thép.

Số Tín đồ ngày càng đông, Hội Thánh phải mượn thêm phía Đông Bắc 70 mẫu, tức khu Nghĩa địa giáp ngã ba Suối Đá. Đến năm 1927 tăng thêm 11 mẫu , 1932 tăng thêm 70 mẫu. Vào 8-9-1966, Hội Thánh Cao Đài được Chính Phủ Đệ Nhị Cộng Hoà hợp thức hoá sử hữu chủ 3.355 mẫu. Trên thực tế, vùng Thánh địa rộng đến 20.383 mẫu, có Đạo hữu quần tụ.

Khung cảnh rừng rậm núi non đượm vẻ mầu nhiệm. Đại Nam Thống Nhất Chí ghi về núi Linh Sơn : “*Ở phía Bắc Huyện Tây Ninh 20 dặm, hình núi cao ngất làm trấn sơn cho Tỉnh hạt; Tây Nam giáp ranh giới Cao Miên , lưng chừng núi có Chùa Đá ít ai đi đến*”.

Sách Gia Định Thông Chí chép : “Núi Bà Đỉnh đá mọc lởm chởm , cây cối xanh rậm, nước ngọt rất tốt, trên có chùa Linh Sơn, dưới có hồ nước, rừng khe u bao la, cảnh trí nhàn nhã có thôn lạc, người đồng quê và người Mọi ở. Nhân dân nhờ lợi trong núi, có đồ kim thạch cổ quý, người ta đôi khi lượm được. Tương truyền ở trong hồ có thấy cái chiêng vàng cũng như việc *tứ tân phù khánh giang thủy đắcchung*¹, nhưng lại gần không thấy nữa. Đêm nào Trời trong tạnh thấy thuyền rồng bơi lượn múa hát du dương, lại còn có rùa vàng khi nổi, khi lặn, dài một trượng dư, đó là linh khí chung tụ, không phải là việc quái đản. Núi này còn có một tên nữa là núi Điện Bà Sơn. Năm Tự Đức thứ ba đổi tên *Linh Sơn* có đặng vào tự điển”. (*Diển lễ tế tự*).

¹ Khánh đá nổi lên ở bến Tứ và được chuông trong sông.

2- Quản trị:

Toà Thánh và Thánh Địa do Hội Thánh Cao Đài quản trị.

a-Hội Thánh Cửu Trùng Đài: Còn gọi là Hành Chánh Đạo dưới có Cửu Viện trông coi mọi việc.

- **Phái Thái (Vàng)** chưởng sự các viện: *Hộ Viện, Lương Viện, Công Viện.*

- **Phái Thượng (Xanh):** *Học Viện, Y Viện, Nông Viện.*

- **Phái Ngọc (Đỏ) :** *Hoà Viện, Lại Viện, Lễ Viện.*

Cửu Trùng Đài do Giáo Tông chưởng quản, dưới có: Chưởng Pháp, Đầu Sư, Phối Sư, Giáo Sư, Giáo Hữu, Lễ sanh, Tín đồ.

b- Hội Thánh Hiệp Thiên Đài: Là cơ quan Lập Pháp và Tư Pháp của Toà Thánh, thông công cùng các Đấng, phụ thuộc có ba Chi : Chi Pháp, Chi Đạo, Chi Thế.

Hiệp Thiên Đài do Hộ Pháp chưởng quản, tả có Thượng Sanh Chưởng quản Chi Thế, hữu có Thượng Phẩm chưởng quản Chi Đạo.

Dưới có Thập Nhị Thời Quân cũng chia làm 3 Chi. Ngoài ra có Thập Nhị Bảo Quân và Ban Thế Đạo , Chức sắc Hiệp Thiên Đài và Chức sắc Ban Thế Đạo.

c- Hội Thánh Phước Thiện : Là cơ quan lo về việc xã hội , cứu khổ (Corps de Charité). Trước là một Chi của Hiệp Thiên Đài, nay thành Hội Thánh nhưng vẫn dưới quyền thống quản của Hiệp Thiên Đài.

Chức sắc Phước Thiện gồm 12 phẩm gọi là Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng, cao nhất là Phật Tử, thấp nhất là Minh Đức (Đạo hữu).

Đó là 3 Hội Thánh chính gọi chung là Hội Thánh Cao Đài chủ sự mọi việc từ Trung Ương đến địa phương.

3- Tôn giáo Cao Đài:

Tôn Giáo Cao Đài thoát thai do việc cầu Cơ thỉnh Tiên ở Phú Quốc năm 1920 và ở Saigon năm 1925. Một Tôn Giáo mặc khải toàn diện do huyền diệu Thiêng Liêng. Trong giai đoạn Khai Pháp vì mới nên cách tế tự, hành sự, từ ngữ giống Phật Giáo chấn hưng (Bouddhisme rénové). Về sau dần dần đủ đứng đường hưởng một Tôn giáo Hoàn cầu: Thống Tam Giáo, Hiệp Ngũ Chi. Trong tài liệu tham khảo của Đại Học Đường Mississippi, Bác sĩ Quinter Lyon dịch là The **GREAT RELIGION** (*Đại Đạo*).

Tôn giáo Cao Đài thành Chánh pháp tại Toà Thánh Tây Ninh sau lần lần chia ra 12 Phái Đạo, rồi nhiều Thánh Thất tự trị. Theo thống kê 1954, Toà Thánh Tây Ninh và các Thánh Thất phụ thuộc các Tỉnh : Nam, Trung, Bắc Tông Đạo là 2 triệu rưỡi, nếu kể các Chi phái lên gần 4 triệu. Việc Truyền Giáo Hải ngoại bị ngưng trệ vì ảnh hưởng tình trạng chiến tranh của xứ sở.

1- Tam Kỳ Phổ Độ: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức là Đại Ân Xá Kỳ Ba (Troisième Amnistie). Từ khi có loài người Đức Chí Tôn cho mở 3 Kỳ Ân Xá.

a- Nhất Kỳ Phổ Độ: Tức Nhất Thiết Long Hoa Thiên Khai Tý Hội, các hàng Giáo Chủ sau đây ra đời cứu thế :

- *Phật Đạo* : Nhiên Đăng Cổ Phật
- *Tiên Đạo* : Thái Thượng Lão Tổ
- *Thánh Đạo*: Văn Tuyên Đế Quân

b- Nhị Kỳ Phổ Độ: Tức Nhị Thiết Long Hoa Thiên Khai Sửu Hội. Các vị sau đây lần lượt ra đời :

- *Phật Đạo* : Thích Ca
- *Tiên Đạo* : Lão Tử
- *Thánh Đạo* : Khổng Tử

c- Tam Kỳ Phổ Độ: Tức Tam Thiết Long Hoa Thiên Khai Huỳnh Đạo hay Dần Hội do Đức Thượng Đế giáng điển quang lập Đạo qui hiệp các Tôn Giáo lại làm một và không giao Chánh Giáo cho tay người phàm.

Đức Chí Tôn chọn ba vị sau đây thay mặt cho Tam giáo là Tam Trấn Oai Nghiêm: Lý Thái Bạch (*Tiên*); Quan Thế Âm (*Phật*) và Quan Thánh Đế Quân (*Thánh*).

2- Tam Giáo Qui Nguyên: Trong danh hiệu “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” đã hàm ý sự Qui Nguyên.

- *Cao Đài* : Thuộc Đạo Nho vì sách Nho có câu : Đầu thượng viết Cao Đài.
- *Tiên ông* : Thuộc Đạo Tiên (Phẩm chót của Tiên gia).
- *Đại Bồ Tát Ma Ha Tát* : Chỉ về Phật giáo.

a- Về hình thức : Cao Đài Giáo nhận các phần sau đây :

- *Phật Giáo* : Chuông trống, lễ Cầu siêu, Trai giới.
- *Lão Giáo* : Lễ dâng Tam Bửu ; Bông, Rượu, Trà (Tinh, Khí, Thần). Trên Thiên bàn có Thái Cực đặng tượng trưng ngôi Thái Cực.
- *Nho giáo* : Lễ nhạc, sự thờ phụng Tổ tiên và các lễ quan, hôn, tang, tế cùng Đạo Ngũ thường.

- *Ki-Tô-Giáo*: Cách lấy dấu 3 Ngôi, đổi lại là Phật, Pháp, Tăng. Hình thức Tắm Thánh, Giải Oan. Các Thánh Thất tương tự như Nhà Thờ.

b- Về phương diện Triết lý: Hay Hình nhi thượng học, Cao Đài Giáo nhìn nhận những nguyên tắc này của các Tôn giáo:

- *Phật giáo* : Luật Nhân quả tức Nghiệp báo và Luân hồi, Bát Chánh Đạo để thoát vòng luân hồi, Từ bi, Bác ái, Tam Qui Ngũ Giới và Minh Tâm Kiến Tánh, Tham thiền Nhập định.
- *Lão giáo* : Thuyết Tam Bửu, Ngũ Hành, và phương tu luyện tâm lý, sinh lý để thoát trần, tu Tâm luyện tánh, Vũ trụ quan và Phép tu Tiên (*Đơn*).
- *Nho giáo* : Nhân, Trí, Dũng ; Tu thân, Tề gia, Trị quốc và Bình thiên hạ, thuyết Trung thứ (Dung), Ngũ luân, Ngũ thường, Tồn tâm Dưỡng tánh, sinh động nhập thế.

- *Ki Tô Giáo*: Lòng Bác ái, khoan dung, Đức Tin tuyệt đối để đạt Đạo.

3 - Phần chuyên biệt của Cao Đài Giáo:

- Việc thờ Thiên Nhân trên Thiên Bàn có tính cách tượng trưng. Đức Chí Tôn giảng Cơ : “ Nếu không có Hư vô Chi Khí thì không có Thầy. Nếu không Thầy thì không có chi trong Càn khôn vũ trụ. Còn chư Phật, chư Tiên, Thầy hỏi ai tạo ra các Đấng ấy, đó là Đạo”.

- Tân Luật và Pháp Chánh Truyền ấn định sự tổ chức Hội Thánh, việc dùng Thiên phục ba màu (*Tam thanh*) : vàng, xanh, đỏ và những Điều luật người theo Đạo phải noi giữ.

- Chuông thì gọi là Bạch Ngọc Chung và trống thì gọi là Lôi Âm Cổ. Khi có Đại Đàn thì đánh Ngọc Hoàng Sấm.

- Việc dâng lễ phẩm chỉ có Bông, Rượu, Trà và 5 cây nhang, tuyệt đối không dùng các món nấu và không đốt vàng mã.

- Kinh cúng nơi Thánh Thất gọi là kinh Tứ Thời hay kinh Thiên Đạo; kinh cúng vong linh người chết thì gọi là kinh Thế Đạo, gọi chung là Tân Kinh hay Kinh lễ.

- Hai Đại Lễ chánh là ***Vía Đức Chí Tôn vào mồng 9 tháng Giêng Âm lịch và vía Đức Phật Mẫu vào ngày 15 tháng 8 Âm lịch***. Trong những ngày lễ Mẹ, tất cả Tín đồ đều bình đẳng, không có áo mào phân cấp bậc. Hai lễ này, tất cả Chức sắc hành Đạo địa phương phải về châu Lễ nơi Tòa Thánh.

- **Ba Hội lập quyền Vạn Linh** là:

**Hội nhơn sanh*: Do các đại biểu Tín đồ nhóm họp.

**Hội Thánh* : Do các Chức Sắc họp tại Nội điện Tòa Thánh.

**Thượng Hội*: Gồm Chức sắc Đại Thiên Phong; bên Cửu Trùng Đài thì Giáo Tông và ba vị Chứng pháp; ba vị Đầu Sư; bên Hiệp Thiên Đài thì Hộ Pháp Thượng Phẩm, Thượng Sanh.

- Tòa Thánh và Thánh Thất cất phải gồm đủ ba Đài: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài.

Trên đây chỉ là những nét cương yếu chuyên biệt, đi sâu và còn nhiều tiểu tiết phức tạp.

4- Sinh hoạt: Dân vùng Thánh Địa có 185.000 Tín hữu (*Năm 1960*) (Toàn quận Phú Khương trừ xã Thái Hiệp Thạnh là Tỉnh lỵ Tây Ninh) được mệnh danh là “*Dân tứ xứ*”. Vì các Tín hữu Cao Đài do nhiều nơi trên toàn quốc qui tụ về Tây Ninh, bắt đầu từ năm 1926, sức mạnh Tôn giáo giúp toàn Đạo dẫn gỡ , phá rừng, làn sóng di dân mạnh nhất vào khoảng năm 1947-1950, tức là sau lúc Đức Hộ Pháp được trả tự do.

Kế đến là khoảng 1953-1954, chiến tranh Việt Pháp đến hồi quyết liệt. Họ chạy về Thánh Địa sống dưới bóng Đạo Kỳ tránh bị thiêu thân vào các trận tuyến. Vào năm 1966-1967 mặt trận miền Trung sôi động, các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, dân Đạo dời gia đình về Tòa Thánh lập nghiệp vùng trên Vườn Điều (Xã Ninh Thạnh).

Dù là dân tứ xứ họ không ở theo Tỉnh. Lúc đầu chưa quen phong thổ thì tá túc nhà người cùng xứ quen thuộc. Sau một thời gian họ tìm đất sống cho hợp với công việc làm ăn. Nên khó mà tìm được một vùng thuần nhất dân của một Tỉnh, mà các gia đình mất hút trong

nghiệp Đạo, lòng tin về Thượng Đế. Chỉ còn Tổ Đình là Toà Thánh, bên cạnh niềm an ủi Tổ tông là *nhà thờ họ*, không có địa phương.

Chín mươi phần trăm (90%) theo Đạo Cao Đài là giai cấp nông dân hoặc làm nghề lao động. Hiện có khuynh hướng đi vào thành phố và phát triển trong giới trí thức.

Y Phục các Tín đồ thường nhật giống mọi người dân Việt Nam khác. Người lao động vận quần áo ngắn, ở nơi Tỉnh thành dùng màu trắng, ở thôn quê dùng màu đen. Dự các buổi tế tự thì mặc quần áo bà ba ngoài choàng áo dài trắng. Chức sắc thì mặc tràng y theo sắc phái. Những người thuộc hàng trí thức, công chức, sinh viên thì vận âu phục, nhưng khi dẫn lễ Đức Chí Tôn đều mặc toàn trắng theo lễ phục Đạo.

Người phụ nữ có nhiều đức tánh tốt, ảnh hưởng Nho giáo và truyền thống đạo đức, họ lo buôn bán tảo tần, cày cấy, chịu cực hy sinh cho chồng con. Các người con gái gần chợ búa thì ăn vận theo lối mới, làm nghề mới: lập tiệm may, bán hàng, công chức .v. v. . Họ giàu trực giác, ham điều đạo đức, ưa chuộng kinh sách Đạo và tôn trọng các vị Lãnh đạo tinh thần.

Phái nam thì đã trưởng thành hoặc đã sống trong chiến tranh nên có tinh thần quật khởi, có lý luận chính trị thường xuyên. Họ là thành phần nòng cốt xây dựng Đạo và bảo vệ Đạo. Họ có thể liều chết vì Đạo để bảo vệ danh dự Cao Đài được tròn vẹn, quá trình đã chứng tỏ điều đó. Họ chịu khó cạnh tranh, họ tôn sùng thần tượng và các “*Tướng Trời*”, nhưng khó bị lợi dụng. Thà chết với tấm lòng trong sạch, chớ không quỳ lạy để hưởng bổng lộc mà nô lệ kẻ khác.

HẾT